

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I P
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 28/10/2021

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Thủy.

Ông Nay Phen.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I P, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông Ksor Yanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021, về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện I P (Theo Quyết định số 2966/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 về việc “Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án”).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Minh T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện I P (Theo Quyết định số 404/QNHNNo.IP-UQ ngày 27/10/2021).

Địa chỉ: Đường H V, xã K T, huyện I P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hữu T, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Pờ Tó, huyện I P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Pờ Tó, huyện I P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt là Agribank)- ông Lê Minh T trình bày:

Ngày 28/11/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P và ông Lê Hữu T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1265/18/HĐTD ngày 28/11/2018, bà Nguyễn Thị Y (vợ ông Lê Hữu T) biết rõ về khoản vay này. Cụ thể: số tiền vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng); Lãi suất là 10%/năm (lãi suất biến đổi), lãi suất quá hạn 150%/năm. Thời gian vay là 12 tháng (từ ngày 29/11/2018 đến ngày 12/11/2019). Mục đích vay: Trồng và chăm sóc 03 ha mía và chi phí vật dụng gia đình. Phương thức cho vay: Hạn mức T dụng. Thời hạn cho vay: Thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản.

Căn cứ vào hợp đồng T dụng đã ký, ngày 29/11/2018 ông Lê Hữu T đã vay của ngân số tiền 80.000.000 đồng bằng giấy nhận nợ số 01/GNN, từ thời điểm vay đến nay ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho ngân hàng theo cam kết trong giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 29/11/2018. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm Th đến ngày 08/12/2021 tổng cộng là 96.547.945 đồng.

Tuy nhiên từ ngày ngân hàng khởi kiện đến nay thì ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y đã trả được cho ngân hàng 37.000.000 tiền nợ gốc và 3.989.041 đồng nợ lãi trong hạn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ Th đến ngày xét xử ngày 28/10/2021 là 67.335.616 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.660.274 đồng và nợ lãi quá là 20.675.342 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Lê Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y đã không đến Tòa án để tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải, cũng như không đến tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông Lê Hữu T đã có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án cụ thể:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021 ông T trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận có ký hợp đồng T dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P để vay số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Mục vay về sử dụng chi tiêu trong gia đình (Trồng và chăm sóc 03 ha mía và chi phí vật dụng gia đình) nên vợ ông là bà Y cũng biết khoản vay trên. Do gia đình khó khăn nên vào tháng 01/2021 ông mới trả được 10.000.000 đồng nợ gốc cho ngân hàng và còn nợ lại 70.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Vì vậy, ông xin trả nợ dần cho ngân hàng số tiền còn nợ lại.

Tại phiên tòa, đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện I P khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Vào các Điều 116, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ Th đến ngày xét xử ngày 28/10/2021 là 67.335.616 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.660.274 đồng và nợ lãi quá là 20.675.342 đồng.

Về án phí: Buộc ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Lê Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y. Tuy nhiên, ông T và bà Y đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Việc ông T và bà Y không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến Tòa án để tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Y.

[2] Về nội dung: Ngày 28/11/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

chi nhánh huyện I P và ông Lê Hữu T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1265/18/HĐTD ngày 28/11/2018, cụ thể: Số tiền vay là 80.000.000 đồng; Lãi suất là 10%/năm (lãi suất biến đổi), lãi suất quá hạn 150%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay: Trồng và chăm sóc 03 ha mía và chi phí vật dụng gia đình. Phương thức cho vay: Hạn mức T dụng. Thời hạn cho vay: Thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021 ông T trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P để vay số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Mục vay về sử dụng chi tiêu trong gia đình (Trồng và chăm sóc 03 ha mía và chi phí vật dụng gia đình) nên vợ ông là bà Y cũng biết khoản vay trên. Như vậy khoản vay trên là khoản vay chung của vợ chồng ông T và bà Y. Khi đến hạn trả nợ ngày 12/11/2019 ông T và bà Y đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên khoản nợ trên đã chuyển sang quá hạn từ ngày 13/11/2019.

Xét việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 1265/18/HĐTD ngày 28/11/2018 và giấy nhận nợ số 1265/18/HĐTD ngày 28/11/2018 giữa Ngân hàng với ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức T dụng và các bên tham gia giao dịch tự nguyện nên hợp đồng và giấy nhận nợ nêu trên là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn đã ký kết theo Hợp đồng tín dụng số 1265/18/HĐTD ngày 28/11/2018 và giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 29/11/2018 thì ông T và bà Y đã vi phạm về điều khoản đã ký kết. Cụ thể là đến kỳ hạn trả nợ cuối ngày 12/11/2019, ông T và bà Y đã không trả nợ cho ngân hàng và từ đó đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa ngày 28/10/2021 ông T và bà Y chỉ mới trả được cho ngân hàng một phần nợ gốc là 37.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 3.989.041 đồng. Tính đến ngày 28/10/2021 ông T và bà Y còn nợ của Ngân hàng số tiền tổng cộng là 67.335.616 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.660.274 đồng và nợ lãi quá là 20.675.342 đồng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà Y phải trả toàn bộ số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày xét xử ngày 28/10/2021 là 67.335.616 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.660.274 đồng và nợ lãi quá là 20.675.342 đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phải chịu 3.366.781 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng: Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức T dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức T dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P số tiền vay gốc là 43.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.660.274 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 20.675342 đồng. Tổng cộng là 67.335.616 đồng (*Sáu mươi bảy triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Y phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.366.781 đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*); Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện I P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 2.413.698 đồng (*Hai triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000441 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G Lxét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện I P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện I P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân